

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc ban hành danh mục thuốc sản xuất trong nước
được cấp giấy đăng ký lưu hành tại Việt Nam - Đợt 168.1**

CỤC TRƯỞNG CỤC QUẢN LÝ DƯỢC

Căn cứ Luật Dược số 105/2016/QH13 ngày 06/4/2016;

Căn cứ Nghị định số 75/2017/NĐ-CP ngày 20/6/2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Y tế;

Căn cứ Thông tư số 32/2018/TT-BYT ngày 12/11/2018 của Bộ trưởng Bộ Y tế quy định việc đăng ký lưu hành thuốc, nguyên liệu làm thuốc;

Căn cứ Quyết định số 7868/QĐ-BYT ngày 28/12/2018 của Bộ trưởng Bộ Y tế quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Quản lý Dược thuộc Bộ Y tế;

Căn cứ kết luận của Hội đồng tư vấn cấp giấy đăng ký lưu hành thuốc, nguyên liệu làm thuốc - Bộ Y tế;

Xét đề nghị của Trưởng phòng Đăng ký thuốc, Cục Quản lý Dược,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này danh mục 52 thuốc sản xuất trong nước được cấp giấy đăng ký lưu hành tại Việt Nam - Đợt 168.1, cụ thể:

1. Danh mục 32 thuốc sản xuất trong nước được cấp giấy đăng ký lưu hành tại Việt Nam hiệu lực 05 năm (*Phụ lục I kèm theo*). Các thuốc tại Danh mục này có số đăng ký với ký hiệu VD-...-21 và hiệu lực 05 năm kể từ ngày ký ban hành Quyết định này.

2. Danh mục 18 thuốc sản xuất trong nước được cấp giấy đăng ký lưu hành tại Việt Nam hiệu lực 03 năm (*Phụ lục II kèm theo*). Các thuốc tại Danh mục này có số đăng ký với ký hiệu VD3-...-21 và hiệu lực 03 năm kể từ ngày ký ban hành Quyết định này.

3. Danh mục 01 thuốc sản xuất gia công trong nước được cấp giấy đăng ký lưu hành tại Việt Nam hiệu lực 05 năm (*Phụ lục III kèm theo*). Các thuốc tại Danh mục này có số đăng ký với ký hiệu GC-...-21 và hiệu lực 05 năm kể từ ngày ký ban hành Quyết định này.

4. Danh mục 01 thuốc sản xuất chuyên giao công nghệ được cấp giấy đăng ký lưu hành tại Việt Nam hiệu lực 05 năm (*Phụ lục IV kèm theo*). Các thuốc tại Danh mục này có số đăng ký với ký hiệu CN-...-21 và hiệu lực 05 năm kể từ ngày ký ban hành Quyết định này.

Điều 2. Cơ sở sản xuất và cơ sở đăng ký thuốc có trách nhiệm:

1. Sản xuất thuốc theo đúng các hồ sơ, tài liệu đã đăng ký với Bộ Y tế và phải in số đăng ký được Bộ Y tế Việt Nam cấp lên nhãn thuốc.

2. Chỉ được sản xuất, đưa ra lưu hành các thuốc kiểm soát đặc biệt khi có Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dược phạm vi kinh doanh thuốc phải kiểm soát đặc biệt phù hợp với phạm vi hoạt động của cơ sở đáp ứng quy định tại khoản 5 Điều

143 Nghị định số 54/2017/NĐ-CP ngày 08/5/2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Dược.

3. Thực hiện việc cập nhật tiêu chuẩn chất lượng của thuốc theo quy định tại Thông tư số 11/2018/TT-BYT ngày 04/5/2018 của Bộ trưởng Bộ Y tế quy định về chất lượng thuốc, nguyên liệu làm thuốc.

4. Thực hiện, phối hợp với cơ sở nhập khẩu thực hiện theo đúng quy định tại Công văn số 5853/QLD-CL ngày 19/4/2019 của Cục Quản lý Dược về việc kiểm tra chất lượng nguyên liệu làm thuốc nhóm sartan đối với các thuốc thuộc danh mục tại Điều 1 có chứa dược chất thuộc nhóm sartan.

5. Cập nhật nhãn thuốc, tờ hướng dẫn sử dụng thuốc theo quy định tại Thông tư số 01/2018/TT-BYT ngày 18/01/2018 của Bộ trưởng Bộ Y tế quy định ghi nhãn thuốc, nguyên liệu làm thuốc và tờ hướng dẫn sử dụng thuốc trong thời hạn 06 tháng kể từ ngày ký ban hành Quyết định này, theo hình thức thay đổi, bổ sung giấy đăng ký lưu hành thuốc quy định tại Thông tư số 32/2018/TT-BYT ngày 12/11/2018 của Bộ trưởng Bộ Y tế quy định việc đăng ký lưu hành thuốc, nguyên liệu làm thuốc và Thông tư số 29/2020/TT-BYT ngày 31/12/2020 của Bộ trưởng Bộ Y tế sửa đổi, bổ sung và bãi bỏ một số văn bản quy phạm pháp luật do Bộ trưởng Bộ Y tế ban hành, liên tịch ban hành.

6. Phối hợp với các cơ sở điều trị để thực hiện theo đúng các quy định hiện hành về thuốc kê đơn, theo dõi an toàn, hiệu quả, tác dụng không mong muốn của thuốc trên người Việt Nam và tổng hợp, báo cáo theo quy định tại Điều 5 Thông tư số 32/2018/TT-BYT ngày 12/11/2018 của Bộ trưởng Bộ Y tế quy định việc đăng ký lưu hành thuốc, nguyên liệu làm thuốc đối với các thuốc thuộc Phụ lục II ban hành kèm theo Quyết định này (giấy đăng ký lưu hành có ký hiệu VD3-.....-21).

7. Cơ sở đăng ký thuốc phải bảo đảm duy trì điều kiện hoạt động trong thời gian hiệu lực của giấy đăng ký lưu hành thuốc, nguyên liệu làm thuốc. Trong trường hợp không còn đáp ứng đủ điều kiện hoạt động, cơ sở đăng ký phải có trách nhiệm thực hiện thay đổi cơ sở đăng ký theo quy định tại Thông tư số 32/2018/TT-BYT ngày 12/11/2018 của Bộ trưởng Bộ Y tế quy định việc đăng ký lưu hành thuốc, nguyên liệu làm thuốc trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày cơ sở đăng ký không còn đủ điều kiện hoạt động.

8. Cơ sở sản xuất thuốc phải bảo đảm các điều kiện hoạt động của cơ sở sản xuất trong thời hạn hiệu lực của giấy đăng ký lưu hành thuốc, nguyên liệu làm thuốc.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành.

Điều 4. Giám đốc Sở Y tế các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và Giám đốc cơ sở sản xuất và cơ sở đăng ký có thuốc tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Bộ trưởng BHYT (để b/c);
- TT. Trương Quốc Cường (để b/c);
- Cục Quân y - Bộ Quốc phòng, Cục Y tế - Bộ Công an;
- Cục Y tế GTVT - Bộ Giao thông vận tải;
- Tổng Cục Hải quan - Bộ Tài chính;
- Bảo hiểm xã hội Việt Nam;
- Bộ Y tế: Vụ PC, Cục QLYDCT, Cục QLKCB, Thanh tra Bộ, Văn phòng HĐTV cấp GDKLH thuốc, NLLT;
- Viện KN thuốc TƯ, Viện KN thuốc TP. HCM;
- Tổng Công ty Dược Việt Nam - Công ty CP;
- Các Bệnh viện, Viện có giường bệnh trực thuộc Bộ Y tế;
- Cục QLD: P.QLKDD, P.QLCLT, P.PCTTra, P.QLGT;
- Website;
- Lưu: VT, ĐKT(15b).

CỤC TRƯỞNG



Vũ Tuấn Cường

PHỤ LỤC I. DANH MỤC 32 THUỐC SẢN XUẤT TRONG NƯỚC ĐƯỢC CẤP GIẤY ĐĂNG KÝ LƯU HÀNH TẠI VIỆT NAM HIỆU LỰC 05 NĂM - ĐỢT 168.1

Ban hành kèm theo Quyết định số: 88.../QĐ-QLD, ngày 24.../02.../2021.

1. Công ty đăng ký: Công ty cổ phần Dược Đại Nam (Đ/c: 270A Lý Thường Kiệt, phường 14, quận 10, TP. Hồ Chí Minh - Việt Nam)

1.1 Nhà sản xuất: Công ty cổ phần dược Enlie (Đ/c: Đường NA6, KCN Mỹ Phước 2, phường Mỹ Phước, thị xã Bến Cát, Bình Dương - Việt Nam)

STT	Tên thuốc	Hoạt chất chính - Hàm lượng	Dạng bào chế	Tuổi thọ	Tiêu chuẩn	Quy cách đóng gói	Số đăng ký
1	Amerisen	Otilonium bromid 40mg	Viên nén bao phim	36 tháng	TCCS	Hộp 03 vỉ x 10 viên	VD-34927-21

2. Công ty đăng ký: Công ty cổ phần dược Đồng Nai (Đ/c: 221B Phạm Văn Thuận, p. Tân Tiến, Tp. Biên Hoà, Đồng Nai - Việt Nam)

2.1 Nhà sản xuất: Công ty cổ phần dược Đồng Nai (Đ/c: 221B Phạm Văn Thuận, p. Tân Tiến, Tp. Biên Hoà, Đồng Nai - Việt Nam)

STT	Tên thuốc	Hoạt chất chính - Hàm lượng	Dạng bào chế	Tuổi thọ	Tiêu chuẩn	Quy cách đóng gói	Số đăng ký
2	Cetirizin 10mg	Cetirizin dihydrochlorid 10mg	Viên nén	36 tháng	ĐĐVN V	Hộp 10 vỉ x 10 viên; hộp 20 vỉ x 10 viên; hộp 50 vỉ x 10 viên. Chai 100 viên; chai 500 viên.	VD-34928-21

3. Công ty đăng ký: Công ty cổ phần Dược Hà Tĩnh (Đ/c: 167 Hà Huy Tập, Tp. Hà Tĩnh - Việt Nam)

3.1 Nhà sản xuất: Công ty cổ phần Dược Hà Tĩnh (Đ/c: 167 Hà Huy Tập, Tp. Hà Tĩnh - Việt Nam)

STT	Tên thuốc	Hoạt chất chính - Hàm lượng	Dạng bào chế	Tuổi thọ	Tiêu chuẩn	Quy cách đóng gói	Số đăng ký
3	Rovahadin	Spiramycin	Viên nén	48	TCCS	Hộp 2 vỉ, 5 vỉ,	VD-34929-21

		1.500.000 IU	bao phim	tháng		10 vỉ, 20 vỉ x 8 viên (vỉ nhôm - PVC)	
--	--	--------------	----------	-------	--	---------------------------------------	--

4. Công ty đăng ký: Công ty cổ phần dược phẩm CPC1 Hà Nội (Đ/c: *Cụm công nghiệp Hà Bình Phương, xã Văn Bình, huyện Thường Tín, Tp. Hà Nội - Việt Nam*)

4.1 Nhà sản xuất: Công ty cổ phần Dược phẩm CPC1 Hà Nội (Đ/c: *Cụm công nghiệp Hà Bình Phương, xã Văn Bình, huyện Thường Tín, Tp. Hà Nội - Việt Nam*)

STT	Tên thuốc	Hoạt chất chính - Hàm lượng	Dạng bào chế	Tuổi thọ	Tiêu chuẩn	Quy cách đóng gói	Số đăng ký
4	Atosiban-BFS	Atosiban (dưới dạng Atosiban acetat) 7,5mg/ml	Dung dịch tiêm	24 tháng	TCCS	Hộp 1, 10, 20 lọ x lọ 0,9ml, lọ 5ml	VD-34930-21
5	Golistin soda	Mỗi 1ml chứa: Monobasic natri phosphat 417mg; Dibasic natri phosphat 95mg	Dung dịch uống	36 tháng	TCCS	Hộp 1 lọ x 15ml, 45ml; hộp 2, 4, 6, 8 vỉ x 5 ống x 7,5ml	VD-34931-21

5. Công ty đăng ký: Công ty cổ phần dược phẩm Cửu Long (Đ/c: *Số 150 đường 14 tháng 9, phường 5, TP. Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long - Việt Nam*)

5.1 Nhà sản xuất: Công ty cổ phần dược phẩm Cửu Long (Đ/c: *Số 150 đường 14 tháng 9, phường 5, TP. Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long - Việt Nam*)

STT	Tên thuốc	Hoạt chất chính - Hàm lượng	Dạng bào chế	Tuổi thọ	Tiêu chuẩn	Quy cách đóng gói	Số đăng ký
6	Nootripam 400	Piracetam 400mg	Viên nén bao phim	36 tháng	TCCS	Hộp 10 vỉ (Alu-Alu) x 10 viên; Hộp 1 chai nhựa PE x 30 viên.	VD-34932-21
7	Terpin Codein 15	Terpin hydrat 100 mg; Codein 15 mg	Viên nén bao đường	36 tháng	TCCS	Hộp 3 vỉ, 10 vỉ x 10 viên; Hộp 1 chai x 100 viên	VD-34933-21

6. Công ty đăng ký: Công ty cổ phần dược phẩm dược liệu Pharmedic (Đ/c: *367 Nguyễn Trãi, Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh - Việt Nam*)

6.1 Nhà sản xuất: Công ty cổ phần dược phẩm dược liệu Pharmedic (Đ/c: *1/67 Nguyễn Văn Quá, Quận 12, TP. Hồ Chí Minh - Việt Nam*)

STT	Tên thuốc	Hoạt chất chính - Hàm lượng	Dạng bào chế	Tuổi thọ	Tiêu chuẩn	Quy cách đóng gói	Số đăng ký
8	Aspifar 81	Aspirin 81 mg	Viên nén bao phim tan trong ruột	24 tháng	TCCS	Hộp 1 lọ x 60 viên	VD-34934-21

7. Công ty đăng ký: Công ty cổ phần dược phẩm Hà Tây (Đ/c: Số 10A - Phố Quang Trung - Phường Quang Trung- Q.Hà Đông - TP. Hà Nội - Việt Nam)

7.1 Nhà sản xuất: Công ty cổ phần dược phẩm Hà Tây (Đ/c: Tổ dân phố số 4 - La Khê - Hà Đông - Tp. Hà Nội - Việt Nam)

STT	Tên thuốc	Hoạt chất chính - Hàm lượng	Dạng bào chế	Tuổi thọ	Tiêu chuẩn	Quy cách đóng gói	Số đăng ký
9	Nitralmyl 0,3	Glyceryl trinitrat 2% (kl/kl) trong lactose tương ứng với glyceryl trinitrat 0,3 mg	Viên nén đặt dưới lưỡi	24 tháng	TCCS	Hộp 3 vỉ, 6 vỉ x 10 viên; Hộp 3 vỉ x 20 viên; Hộp 6 vỉ x 20 viên	VD-34935-21
10	Nitralmyl 0,4	Glyceryl trinitrat 2% (kl/kl) trong lactose tương ứng với glyceryl trinitrat 0,4mg	Viên nén đặt dưới lưỡi	24 tháng	TCCS	Hộp 3 vỉ, 6 vỉ x 10 viên; Hộp 3 vỉ, 6 vỉ x 20 viên	VD-34936-21

8. Công ty đăng ký: Công ty cổ phần dược phẩm Imexpharm (Đ/c: Số 04, đường 30/4, Phường 1, Tp. Cao Lãnh, Tỉnh Đồng Tháp - Việt Nam)

8.1 Nhà sản xuất: Chi nhánh công ty cổ phần dược phẩm Imexpharm Nhà máy kháng sinh công nghệ cao Vĩnh Lộc (Đ/c: Lô B15/I-B16/I đường 2A, khu công nghiệp Vĩnh Lộc, phường Bình Hưng Hòa B, quận Bình Tân, Tp. Hồ Chí Minh - Việt Nam)

STT	Tên thuốc	Hoạt chất chính - Hàm lượng	Dạng bào chế	Tuổi thọ	Tiêu chuẩn	Quy cách đóng gói	Số đăng ký
11	Imefed DT 250mg/125mg	Amoxicilin (dưới dạng Amoxicilin trihydrat) 250mg; Acid Clavulanic (dưới dạng Clavulanat kali kết hợp với Avicel 1:1) 125mg	Viên nén phân tán	24 tháng	BP hiện hành	Hộp 01 túi x 07 vỉ x 02 viên	VD-34937-21

8.2 Nhà sản xuất: Công ty cổ phần dược phẩm Imexpharm (Đ/c: Số 04, đường 30/4, Phường 1, Tp. Cao Lãnh, Tỉnh Đồng Tháp - Việt Nam)

STT	Tên thuốc	Hoạt chất chính - Hàm lượng	Dạng bào chế	Tuổi thọ	Tiêu chuẩn	Quy cách đóng gói	Số đăng ký
12	Claminat 625mg	Amoxicilin (dưới dạng Amoxicilin trihydrat) 500mg; Acid Clavulanic (dưới dạng kali Clavulanat - Avicel (1:1)) 125mg	Viên nén bao phim	24 tháng	USP 41	Hộp 1 túi nhôm x 2 vỉ x 7 viên	VD-34938-21

9. Công ty đăng ký: Công ty cổ phần dược phẩm Khánh Hòa (Đ/c: 74 Đường Thống Nhất, P. Vạn Thắng, TP. Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa - Việt Nam)

9.1 Nhà sản xuất: Công ty cổ phần dược phẩm Khánh Hòa (Đ/c: Đường 2 tháng 4, khóm Đông Bắc, phường Vĩnh Hòa, TP. Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa - Việt Nam)

STT	Tên thuốc	Hoạt chất chính - Hàm lượng	Dạng bào chế	Tuổi thọ	Tiêu chuẩn	Quy cách đóng gói	Số đăng ký
13	Kamelox ODT 7.5	Meloxicam 7,5mg	Viên nén phân tán trong miệng	36 tháng	TCCS	Hộp 2 vỉ x 10 viên; hộp 3 vỉ x 10 viên; hộp 10 vỉ x 10 viên	VD-34939-21

10. Công ty đăng ký: Công ty cổ phần dược phẩm Medisun (Đ/c: Số 521, Khu Phố An Lợi, Phường Hòa Lợi, Thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương - Việt nam)

10.1 Nhà sản xuất: Công ty cổ phần dược phẩm Medisun (Đ/c: Số 521, Khu Phố An Lợi, Phường Hòa Lợi, Thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương - Việt nam)

STT	Tên thuốc	Hoạt chất chính - Hàm lượng	Dạng bào chế	Tuổi thọ	Tiêu chuẩn	Quy cách đóng gói	Số đăng ký
14	Zegcatine 40	Drotaverin HCl 40mg	Viên nén	36 tháng	TCCS	Hộp 3 vỉ, 10 vỉ x 10 viên	VD-34940-21

11. Công ty đăng ký: Công ty cổ phần dược phẩm Minh Dân (Đ/c: Lô E2, đường N4, KCN Hoà Xá, xã Lộc Hòa, TP Nam Định, tỉnh Nam Định - Việt Nam)

11.1 Nhà sản xuất: Công ty cổ phần dược phẩm Minh Dân (Đ/c: Lô N8, đường N5, KCN Hoà Xá, xã Mỹ Xá, TP Nam Định, tỉnh Nam Định - Việt Nam)

STT	Tên thuốc	Hoạt chất chính - Hàm lượng	Dạng bào chế	Tuổi thọ	Tiêu chuẩn	Quy cách đóng gói	Số đăng ký
15	Acid tranexamic 650mg	Acid tranexamic 650 mg	Viên nén	36 tháng	JP 17	Hộp 10 vỉ x 10 viên (Al/PVC)	VD-34941-21
16	Cephalothin 1g	Cephalothin (dưới dạng Cephalothin natri) 1 g	Thuốc bột pha tiêm	36 tháng	TCCS	Hộp 10 lọ	VD-34942-21
17	Ciprofloxacin 200mg/100ml	Ciprofloxacin 200mg/100ml	Dung dịch tiêm truyền	24 tháng	TCCS	Hộp carton chứa 1 lọ x 100ml	VD-34943-21
18	Senitram 1,5g	Ampicilin (dưới dạng ampicilin natri) 1g; Sulbactam (dưới dạng Sulbactam natri) 0,5g	Thuốc bột pha tiêm	36 tháng	TCCS	Hộp 1 lọ, hộp 10 lọ	VD-34944-21

12. Công ty đăng ký: Công ty cổ phần dược phẩm SaVi (Đ/c: Lô Z.01-02-03a KCN trong KCX Tân Thuận, phường Tân Thuận Đông, quận 7, Tp. HCM - Việt Nam)

12.1 Nhà sản xuất: Công ty cổ phần dược phẩm SaVi (Đ/c: Lô Z.01-02-03a KCN trong KCX Tân Thuận, phường Tân Thuận Đông, quận 7, Tp. HCM - Việt Nam)

STT	Tên thuốc	Hoạt chất chính - Hàm lượng	Dạng bào chế	Tuổi thọ	Tiêu chuẩn	Quy cách đóng gói	Số đăng ký
19	Savi Etodolac 500	Etodolac 500mg	Viên nén bao phim	36 tháng	USP 40	Hộp 2 vỉ x 15 viên	VD-34945-21

13. Công ty đăng ký: Công ty cổ phần dược phẩm trung ương Mediplantex (Đ/c: 358 Giải Phóng, phường Phương Liệt, quận Thanh Xuân, Hà Nội - Việt Nam)

13.1 Nhà sản xuất: Công ty cổ phần dược phẩm trung ương Mediplantex (Đ/c: Nhà máy dược phẩm số 2, Thôn Trung Hậu, xã Tiền Phong, huyện Mê Linh, Hà Nội - Việt Nam)

STT	Tên thuốc	Hoạt chất chính - Hàm lượng	Dạng bào chế	Tuổi thọ	Tiêu chuẩn	Quy cách đóng gói	Số đăng ký
20	Amiwell	Etoricoxib 60 mg	Viên nén bao phim	36 tháng	TCCS	Hộp 2 vỉ, 3 vỉ x 10 viên	VD-34946-21
21	Orthin 6000 Granulat	Mỗi 10 g cốm chứa: L-ornithin-L-asparta t 6 g	Thuốc cốm	36 tháng	TCCS	Hộp 20 gói x 10 g	VD-34947-21

14. Công ty đăng ký: Công ty cổ phần dược phẩm VCP (Đ/c: xã Thanh Xuân- Sóc Sơn- Hà Nội - Việt Nam)

14.1 Nhà sản xuất: Công ty cổ phần dược phẩm VCP (Đ/c: xã Thanh Xuân- Sóc Sơn- Hà Nội - Việt Nam)

STT	Tên thuốc	Hoạt chất chính - Hàm lượng	Dạng bào chế	Tuổi thọ	Tiêu chuẩn	Quy cách đóng gói	Số đăng ký
22	DEP	Mỗi 1ml dung dịch chứa Diethyl phthalat 300mg	Dung dịch	36 tháng	TCCS	Cọc (bọc màng co) 20 lọ x 20ml	VD-34948-21

15. Công ty đăng ký: Công ty cổ phần dược vật tư y tế Hải Dương (Đ/c: Số 102 Chi Lăng, phường Nguyễn Trãi, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương - Việt Nam)

15.1 Nhà sản xuất: Công ty cổ phần dược VTYT Hải Dương (Nhà máy HDPHARMA EU-Công ty cổ phần dược VTYT Hải Dương) (Đ/c: Thửa đất số 307, cụm Công nghiệp Cẩm Thượng, phường Cẩm Thượng, Tp. Hải Dương, tỉnh Hải Dương - Việt Nam)

STT	Tên thuốc	Hoạt chất chính - Hàm lượng	Dạng bào chế	Tuổi thọ	Tiêu chuẩn	Quy cách đóng gói	Số đăng ký
23	Metronidazol 250	Metronidazol 250mg	Viên nén	36 tháng	ĐĐVN V	Hộp 10 vỉ, hộp 50 vỉ x 10 viên	VD-34949-21

16. Công ty đăng ký: Công ty cổ phần dược VTYT Hà Nam (Đ/c: Cụm công nghiệp Hoàng Đông, Duy Tiên, Hà Nam - Việt Nam)

16.1 Nhà sản xuất: Công ty cổ phần dược VTYT Hà Nam (Đ/c: Cụm công nghiệp Hoàng Đông, Duy Tiên, Hà Nam - Việt Nam)

STT	Tên thuốc	Hoạt chất chính - Hàm lượng	Dạng bào chế	Tuổi thọ	Tiêu chuẩn	Quy cách đóng gói	Số đăng ký
24	Molnia	Mỗi gói cốm 10g chứa L-Ornithin-L-Aspart at 6g	Cốm pha dung dịch uống	24 tháng	TCCS	Hộp 10 gói, hộp 20 gói x 10g	VD-34950-21

17. Công ty đăng ký: Công ty cổ phần Korea United Pharm. Int'l (Đ/c: Số 2A, Đại lộ Tự Do, KCN Việt Nam- Singapore, Thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương - Việt Nam)

17.1 Nhà sản xuất: Công ty cổ phần Korea United Pharm. Int'l (Đ/c: Số 2A, Đại lộ Tự Do, KCN Việt Nam- Singapore, Thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương - Việt Nam)

STT	Tên thuốc	Hoạt chất chính - Hàm lượng	Dạng bào chế	Tuổi thọ	Tiêu chuẩn	Quy cách đóng gói	Số đăng ký
25	Karireto 10	Rivaroxaban 10mg	Viên nén	36	TCCS	Hộp 03 vỉ x 10	VD-34951-21

			bao phim	tháng		viên	
--	--	--	----------	-------	--	------	--

18. Công ty đăng ký: Công ty cổ phần tập đoàn Merap (Đ/c: Thôn Bá Khê, xã Tân Tiến, huyện Văn Giang, Hưng Yên - Việt Nam)

18.1 Nhà sản xuất: Công ty cổ phần tập đoàn Merap (Đ/c: Thôn Bá Khê, xã Tân Tiến, huyện Văn Giang, Hưng Yên - Việt Nam)

STT	Tên thuốc	Hoạt chất chính - Hàm lượng	Dạng bào chế	Tuổi thọ	Tiêu chuẩn	Quy cách đóng gói	Số đăng ký
26	Amfortgel	Mỗi 10 ml chứa: Nhôm hydroxyd (dưới dạng nhôm hydroxyd gel khô 440 mg) 336,6 mg; Magnesi hydroxyd (dưới dạng magnesi hydroxyd paste 30%) 390 mg	Hỗn dịch uống	36 tháng	TCCS	Hộp 20 gói 10 ml; Hộp 1 chai 90 ml, 120 ml, 150 ml, 180 ml, 210 ml	VD-34952-21

19. Công ty đăng ký: Công ty cổ phần Traphaco (Đ/c: 75 Yên Ninh, Ba Đình, Hà Nội - Việt Nam)

19.1 Nhà sản xuất: Công ty TNHH Traphaco Hưng Yên (Đ/c: Thôn Bình Lương, xã Tân Quang, huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên - Việt Nam)

STT	Tên thuốc	Hoạt chất chính - Hàm lượng	Dạng bào chế	Tuổi thọ	Tiêu chuẩn	Quy cách đóng gói	Số đăng ký
27	Vitamin B2 10mg	Vitamin B2 10mg	viên nén	36 tháng	TCCS	Hộp 03 vỉ, 05 vỉ, 06 vỉ, 10 vỉ, 20 vỉ x 10 viên	VD-34953-21

20. Công ty đăng ký: Công ty TNHH Dược phẩm Shinpoong Daewoo (Đ/c: Số 13, đường 9A, KCN. Biên Hoà II, P. An Bình, TP. Biên Hoà, Đồng Nai - Việt Nam)

20.1 Nhà sản xuất: Công ty TNHH Dược phẩm Shinpoong Daewoo (Đ/c: Số 13, đường 9A, KCN. Biên Hoà II, P. An Bình, TP. Biên Hoà, Đồng Nai - Việt Nam)

STT	Tên thuốc	Hoạt chất chính - Hàm lượng	Dạng bào chế	Tuổi thọ	Tiêu chuẩn	Quy cách đóng gói	Số đăng ký
28	Shinphagel	Mỗi gói 20g chứa: Aluminum phosphate (dưới dạng Aluminum phosphate 20% gel)	Hỗn dịch uống	36 tháng	TCCS	Hộp 20 gói x 20 g	VD-34954-21

		2,476 g					
--	--	---------	--	--	--	--	--

21. Công ty đăng ký: Công ty TNHH sản xuất dược phẩm Medlac Pharma Italy (Đ/c: Khu công nghiệp công nghệ cao I - Khu công nghệ cao Hòa Lạc, KM29, Đại lộ Thăng Long, Huyện Thạch Thất, Hà Nội - Việt Nam)

21.1 Nhà sản xuất: Công ty TNHH sản xuất dược phẩm Medlac Pharma Italy (Đ/c: Khu công nghiệp công nghệ cao I - Khu công nghệ cao Hòa Lạc, KM29, Đại lộ Thăng Long, Huyện Thạch Thất, Hà Nội - Việt Nam)

STT	Tên thuốc	Hoạt chất chính - Hàm lượng	Dạng bào chế	Tuổi thọ	Tiêu chuẩn	Quy cách đóng gói	Số đăng ký
29	Bactericin 1000	Aciclovir (dưới dạng bột đông khô Aciclovir natri) 1000mg	Thuốc bột đông khô pha tiêm truyền	36 tháng	USP hiện hành	Hộp 1 lọ, 10 lọ	VD-34955-21
30	Hycotimed 1000	Hydrocortison (dưới dạng Hydrocortison natri succinat) 1000mg	Thuốc bột đông khô pha tiêm	36 tháng	USP 41	Hộp 1 lọ, 10 lọ, 50 lọ; Hộp 1 lọ + 1 ống dung môi; Hộp 10 lọ thuốc bột+ 10 ống dung môi	VD-34956-21
31	Hycotimed 250	Hydrocortison (dưới dạng bột đông khô Hydrocortison natri succinat) 250mg	Thuốc bột đông khô pha tiêm	36 tháng	USP 41	Hộp 1 lọ, 10 lọ, 50 lọ; Hộp 1 lọ + 1 ống dung môi; Hộp 10 lọ thuốc bột+ 10 ống dung môi	VD-34957-21

22. Công ty đăng ký: Công ty TNHH tư vấn và phát triển công nghệ Trung Thành (Đ/c: 351 Đê La Thành, phường Ô Chợ Dừa, quận Đống Đa, Hà Nội - Việt Nam)

22.1 Nhà sản xuất: Công ty cổ phần dược vật tư y tế Thái Bình (Đ/c: Km 4 đường Hùng Vương - TP. Thái Bình - tỉnh Thái Bình - Việt Nam)

STT	Tên thuốc	Hoạt chất chính - Hàm lượng	Dạng bào chế	Tuổi thọ	Tiêu chuẩn	Quy cách đóng gói	Số đăng ký
32	Acefen	Paracetamol 325mg; Ibuprofen 200mg	Viên nén	36 tháng	TCCS	Hộp 03 vỉ, 06 vỉ, 09 vỉ x 10 viên; chai 200 viên	VD-34958-21

CỤC TRƯỞNG

Vũ Tuấn Cường

PHỤ LỤC II. DANH MỤC 18 THUỐC SẢN XUẤT TRONG NƯỚC ĐƯỢC CẤP GIẤY ĐĂNG KÝ LƯU HÀNH TẠI VIỆT NAM HIỆU LỰC 03 NĂM - ĐỢT 168.1

Ban hành kèm theo Quyết định số: 88.../QĐ-QLD, ngày 24.02../2021.

1. Công ty đăng ký: Chi nhánh công ty TNHH sản xuất - kinh doanh dược phẩm Đam San (Đ/c: Gian E22-E23 - Trung tâm thương mại dược phẩm và trang thiết bị y tế - 134/1 Tô Hiến Thành - Phường 15 - Quận 10 - TP. Hồ Chí Minh - Việt Nam)

1.1 Nhà sản xuất: Công ty TNHH dược phẩm USA - NIC (USA - NIC Pharma) (Đ/c: Lô 11D đường C - KCN Tân Tạo - Phường Tân Tạo A - Quận Bình Tân - TP. Hồ Chí Minh - Việt Nam)

STT	Tên thuốc	Hoạt chất chính - Hàm lượng	Dạng bào chế	Tuổi thọ	Tiêu chuẩn	Quy cách đóng gói	Số đăng ký
1	Rataf	Paracetamol 500mg; Loratadin 5mg; Dextromethophan hydrobromide 15mg	Viên nang cứng	36 tháng	TCCS	Hộp 10 vỉ x 10 viên; Chai 100 viên; Chai 200 viên	VD3-98-21

2. Công ty đăng ký: Công ty cổ phần dược Apimed. (Đ/c: 263/9 Lý Thường Kiệt, phường 15, quận 11, thành phố Hồ Chí Minh - Việt Nam)

2.1 Nhà sản xuất: Công ty cổ phần dược Apimed (Đ/c: Đường N1, cụm công nghiệp Phú Thạnh - Vĩnh Thanh, xã Vĩnh Thanh, huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai - Việt Nam)

STT	Tên thuốc	Hoạt chất chính - Hàm lượng	Dạng bào chế	Tuổi thọ	Tiêu chuẩn	Quy cách đóng gói	Số đăng ký
2	Ladycare	Mỗi 100ml chứa: Alpha terpineol 1g	Dung dịch vệ sinh phụ nữ	36 tháng	TCCS	Hộp 1 chai 150ml, hộp 1 chai 200ml	VD3-99-21

3. Công ty đăng ký: Công ty cổ phần Dược Hà Tĩnh (Đ/c: 167 Hà Huy Tập, Tp. Hà Tĩnh - Việt Nam)

3.1 Nhà sản xuất: Công ty cổ phần Dược Hà Tĩnh (Đ/c: 167 Hà Huy Tập, Tp. Hà Tĩnh - Việt Nam)

STT	Tên thuốc	Hoạt chất chính - Hàm lượng	Dạng bào chế	Tuổi thọ	Tiêu chuẩn	Quy cách đóng gói	Số đăng ký
3	Multivitamin	Thiamin mononitrat 2 mg; Riboflavin 2 mg; Pyridoxin hydroclorid 2 mg; Nicotinamid 20mg; Calci pantothenat 10 mg	Viên nén bao phim	36 tháng	TCCS	Hộp 2 vỉ, 5 vỉ, 10 vỉ, 20 vỉ x 10 viên; Lọ 100 viên, lọ 200 viên, lọ 500 viên	VD3-100-21

4. Công ty đăng ký: Công ty cổ phần dược phẩm Agimexpharm (Đ/c: Số 27 Nguyễn Thái Học, Phường Mỹ Bình, Tp. Long Xuyên, An Giang - Việt Nam)

4.1 Nhà sản xuất: Chi nhánh công ty cổ phần dược phẩm Agimexpharm- Nhà máy sản xuất dược phẩm Agimexpharm (Đ/c: Đường Vũ Trọng Phụng, Khóm Thanh An, P. Mỹ Thới, TP. Long Xuyên, Tỉnh An Giang - Việt Nam)

STT	Tên thuốc	Hoạt chất chính - Hàm lượng	Dạng bào chế	Tuổi thọ	Tiêu chuẩn	Quy cách đóng gói	Số đăng ký
4	Agimoti-S	Mỗi gói thuốc cốm 1g chứa: Domperidon maleat (tương đương Domperidon 2,5mg) 3,185mg; Simethicon 50mg	Thuốc cốm	24 tháng	TCCS	Hộp 10 gói, 30 gói x 1g	VD3-101-21

5. Công ty đăng ký: Công ty cổ phần dược phẩm Ampharco U.S.A (Đ/c: KCN Nhơn Trạch 3, xã Hiệp Phước, huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai - Việt Nam)

5.1 Nhà sản xuất: Công ty cổ phần dược phẩm Ampharco U.S.A (Đ/c: KCN Nhơn Trạch 3, xã Hiệp Phước, huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai - Việt Nam)

STT	Tên thuốc	Hoạt chất chính - Hàm lượng	Dạng bào chế	Tuổi thọ	Tiêu chuẩn	Quy cách đóng gói	Số đăng ký
5	MucousAPC 200	Mỗi gói 1,5 g chứa carbocistein 200mg	Thuốc bột uống	24 tháng	TCCS	Hộp 10 gói, 30 gói, 100 gói; gói 1,5 g	VD3-102-21

6. Công ty đăng ký: Công ty cổ phần dược phẩm Bến Tre (Đ/c: 6A3 Quốc lộ 60 - phường Phú Tân, Thành phố Bến Tre, Tỉnh Bến Tre - Việt Nam)

6.1 Nhà sản xuất: Công ty cổ phần dược phẩm Bến Tre (Đ/c: 6A3 Quốc lộ 60 - phường Phú Tân, Thành phố Bến Tre, Tỉnh Bến Tre - Việt Nam)

STT	Tên thuốc	Hoạt chất chính - Hàm lượng	Dạng bào chế	Tuổi thọ	Tiêu chuẩn	Quy cách đóng gói	Số đăng ký
6	Becolugel-S	Mỗi 10ml hỗn dịch chứa Dried aluminium hydroxide gel (tương đương 0,4g Aluminium oxide) 800mg; Magnesium hydroxide 800,4mg; Simethicon (dưới dạng Simethicon emulsion 30%) 0,08g	Hỗn dịch uống	24 tháng	TCCS	Hộp 20 gói x 10ml	VD3-103-21

7. Công ty đăng ký: Công ty cổ phần dược phẩm Hà Tây (Đ/c: 10A - Quang Trung - Hà Đông - TP. Hà Nội - Việt Nam)

7.1 Nhà sản xuất: Công ty cổ phần dược phẩm Hà Tây (Đ/c: Tổ dân phố số 4 - La Khê - Hà Đông - Tp. Hà Nội - Việt Nam)

STT	Tên thuốc	Hoạt chất chính - Hàm lượng	Dạng bào chế	Tuổi thọ	Tiêu chuẩn	Quy cách đóng gói	Số đăng ký
7	Pharnaraton	Vitamin A (Retinyl acetat) 1000IU; Vitamin D3 (cholecalciferol) 270IU; Vitamin B1 (Thiamin hydrochlorid) 2mg; Vitamin B2 (Riboflavin) 2mg; Vitamin B6 (Pyridoxin HCl) 2mg; Vitamin B3 (Niacinamid) 8mg; Vitamin B12 (Cyanocobalamin) 3mcg; Lysin hydrochlorid 30mg; Calci (dưới dạng Calci glycerophosphat) 20mg; Sắt 1,5mg; Magnesi 1mg	Viên nang mềm	36 tháng	TCCS	Hộp 10 vỉ x10 viên. Hộp 2 vỉ x 15 viên. Vỉ nhôm-PVC	VD3-104-21

8. Công ty đăng ký: Công ty cổ phần dược phẩm TV. Pharm (Đ/c: 27 Nguyễn Chí Thanh, khóm 2, phường 9, TP. Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh - Việt Nam)

8.1 Nhà sản xuất: Công ty cổ phần dược phẩm TV. Pharm (Đ/c: 27 Nguyễn Chí Thanh, khóm 2, phường 9, TP. Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh - Việt Nam)

STT	Tên thuốc	Hoạt chất chính - Hàm lượng	Dạng bào chế	Tuổi thọ	Tiêu chuẩn	Quy cách đóng gói	Số đăng ký
8	Cefdinir 100	Cefdinir 100 mg	Viên nang cứng	36 tháng	TCCS	Hộp 1 vỉ x 10 viên (Alu-Alu)	VD3-105-21

9. Công ty đăng ký: Công ty cổ phần hoá-dược phẩm Mekophar (Đ/c: 297/5 Lý Thường Kiệt, Phường 15, Quận 11, Tp. Hồ Chí Minh - Việt Nam)

9.1 Nhà sản xuất: Công ty cổ phần hoá-dược phẩm Mekophar (Đ/c: 297/5 Lý Thường Kiệt, Phường 15, Quận 11, Tp. Hồ Chí Minh - Việt Nam)

STT	Tên thuốc	Hoạt chất chính - Hàm lượng	Dạng bào chế	Tuổi thọ	Tiêu chuẩn	Quy cách đóng gói	Số đăng ký
9	Meko Coramin	Nikethamid 125mg; Glucose monohydrat 1500mg	Viên ngậm	24 tháng	TCCS	Hộp 05 vỉ x 04 viên ngậm	VD3-106-21

10. Công ty đăng ký: Công ty TNHH B. Braun Việt Nam. (Đ/c: Cụm công nghiệp Thanh Oai, Thanh Oai, Hà Nội - Việt Nam)

10.1 Nhà sản xuất: Công ty TNHH B. Braun Việt Nam (Đ/c: Số 170, Đường La Thành, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội - Việt Nam)

STT	Tên thuốc	Hoạt chất chính - Hàm lượng	Dạng bào chế	Tuổi thọ	Tiêu chuẩn	Quy cách đóng gói	Số đăng ký
10	Dung dịch thẩm phân máu đậm đặc HD - 1B (Bicarbonat)	Mỗi 10 lít dung dịch đậm đặc chứa: Natri Bicarbonat 659,4g; Natri Clorid 305,8g	Dung dịch thẩm phân máu đậm đặc	18 tháng	TCCS	Thùng 2 can 10 lít	VD3-107-21
11	Dung dịch thẩm phân máu đậm đặc HD-1A (Acid)	Mỗi 10 lít dung dịch đậm đặc chứa: Natri Clorid 1614g; Kali Clorid 54,91g; Calci Clorid. 2H ₂ O 97,45g; Magnesi Clorid. 6H ₂ O	Dung dịch thẩm phân máu đậm đặc	36 tháng	TCCS	Thùng 2 can nhựa 10 lít	VD3-108-21

		37,44g; Acid acetic bằng 88,47g					
--	--	------------------------------------	--	--	--	--	--

11. Công ty đăng ký: Công ty TNHH dược phẩm USA - NIC (USA - NIC Pharma) (Đ/c: Lô 11D đường C - KCN Tân Tạo - Phường Tân Tạo A - Quận Bình Tân - TP. Hồ Chí Minh - Việt Nam)

11.1 Nhà sản xuất: Công ty TNHH dược phẩm USA - NIC (USA - NIC Pharma) (Đ/c: Lô 11D đường C - KCN Tân Tạo - Phường Tân Tạo A - Quận Bình Tân - TP. Hồ Chí Minh - Việt Nam)

STT	Tên thuốc	Hoạt chất chính - Hàm lượng	Dạng bào chế	Tuổi thọ	Tiêu chuẩn	Quy cách đóng gói	Số đăng ký
12	Flue-Coldcap	Paracetamol 400mg; Clorpheniramin maleat 2mg	Viên nén	36 tháng	TCCS	Hộp 10 vỉ x 10 viên; Chai 70 viên; Chai 100 viên; Chai 200 viên	VD3-109-21
13	Pancrenic	Pancreatin 170mg (tương ứng với 238 IU Protease, 3400IU Lipase, 4080 IU Amylase); Simethicon 50mg	Viên nén bao phim tan trong ruột	36 tháng	TCCS	Hộp 10 vỉ x 10 viên; Chai 100 viên	VD3-110-21
14	Sironmax	Mỗi tuýp chứa: Betamethason (dưới dạng Betamethason dipropionat) 0,05%; Clotrimazol 1%; Gentamicin (dưới dạng Gentamicin sulfat) 0,1%	Kem bôi da	36 tháng	TCCS	Hộp 01 tuýp 5g; Hộp 01 tuýp 10g	VD3-111-21

12. Công ty đăng ký: Công ty TNHH Liên doanh HASAN - DERMAPHARM (Đ/c: Lô B - Đường số 2 - Khu Công nghiệp Đồng An - Thị xã Thuận An - Tỉnh Bình Dương - Việt Nam)

12.1 Nhà sản xuất: Công ty TNHH Liên doanh HASAN - DERMAPHARM (Đ/c: Lô B - Đường số 2 - Khu Công nghiệp Đồng An - Thị xã Thuận An - Tỉnh Bình Dương - Việt Nam)

STT	Tên thuốc	Hoạt chất chính - Hàm lượng	Dạng bào chế	Tuổi thọ	Tiêu chuẩn	Quy cách đóng gói	Số đăng ký
15	Misirate 800	Magaldrat (dưới dạng Magaldrate powder) 800mg	Viên nén nhai	36 tháng	TCCS	Hộp 03 vỉ x 10 viên; Hộp 05 vỉ x 10 viên; Hộp 10 vỉ x 10 viên	VD3-112-21

13. Công ty đăng ký: Công ty TNHH Phil Inter Pharma (Đ/c: Số 20, đại lộ Hữu Nghị, Khu CN Việt Nam-Singapore, Thuận An, Bình Dương - Việt Nam)

13.1 Nhà sản xuất: Công ty TNHH Phil Inter Pharma (Đ/c: Số 25, Đường số 8, Khu CN Việt Nam-Singapore, Thuận An, Bình Dương - Việt Nam)

STT	Tên thuốc	Hoạt chất chính - Hàm lượng	Dạng bào chế	Tuổi thọ	Tiêu chuẩn	Quy cách đóng gói	Số đăng ký
16	Timi Roitin	Calci pantothenat 15 mg; Fursultiamin 50 mg; Natri chondroitin sulfat 90 mg; Nicotinamid 50 mg; Pyridoxin HCl 25 mg; Riboflavin 6 mg	Viên nang mềm	36 tháng	TCCS	Hộp 12 vỉ x 5 viên; Hộp 24 vỉ x 5 viên	VD3-113-21

14 Công ty đăng ký: Công ty TNHH Shine Pharma (Đ/c: 781/C2, Đường Lê Hồng Phong, Phường 12, Quận 10, TP. Hồ Chí Minh - Việt Nam)

14.1 Nhà sản xuất: Công ty cổ phần Dược phẩm Phong Phú - Chi nhánh nhà máy Usarichpharm (Đ/c: Lô số 12 Đường số 8, khu công nghiệp Tân Tạo, phường Tân Tạo A, quận Bình Tân, TP. Hồ Chí Minh. - Việt Nam)

STT	Tên thuốc	Hoạt chất chính - Hàm lượng	Dạng bào chế	Tuổi thọ	Tiêu chuẩn	Quy cách đóng gói	Số đăng ký
17	Vietcam	Valaciclovir (dưới dạng Valaciclovir hydroclorid khan) 500 mg	Viên nén bao phim	36 tháng	TCCS	Hộp 3 vỉ x 10 viên (Al-Al)	VD3-114-21

15. Công ty đăng ký: Công ty TNHH Sự Lựa Chọn Vàng (Đ/c: Tầng 13, Tòa nhà ICON4, số 243A Đê La Thành, Phường Láng Thượng, Quận Đống Đa, TP. Hà Nội - Việt Nam)

15.1 Nhà sản xuất: Công ty cổ phần dược phẩm Nam Hà (Đ/c: 415 Hàn Thuyên, phường Vị Xuyên, TP. Nam Định, tỉnh Nam Định - Việt Nam)

STT	Tên thuốc	Hoạt chất chính - Hàm lượng	Dạng bào chế	Tuổi thọ	Tiêu chuẩn	Quy cách đóng gói	Số đăng ký
18	Newchoice AD	Gestodene 75mcg; Ethinylestradiol 30mcg	Viên nén bao phim	36 tháng	TCCS	Hộp 1 vỉ x 21 viên nén bao phim	VD3-115-21



CỤC TRƯỞNG

Vũ Tuấn Cường

PHỤ LỤC III. DANH MỤC 01 THUỐC SẢN XUẤT GIA CÔNG TRONG NƯỚC
ĐƯỢC CẤP GIẤY ĐĂNG KÝ LƯU HÀNH TẠI VIỆT NAM HIỆU LỰC 05 NĂM -
ĐỢT 168.1

Ban hành kèm theo Quyết định số: 88.../QĐ-QLD, ngày 24.../02../2021.

1. Công ty đăng ký: (Cơ sở đặt gia công): Công ty TNHH SX-TM dược phẩm N.I.C (N.I.C Pharma) (Đ/c: P8 Trung tâm thương mại dược phẩm và trang thiết bị y tế, số 134/1 Tô Hiến Thành, phường 15, quận 10, TP. Hồ Chí Minh -)

1.1 Nhà sản xuất: (Cơ sở nhận gia công): Công ty TNHH Dược phẩm USA-NIC (USA-NIC Pharma) (Đ/c: Lô 11D đường C - KCN Tân Tạo - Q. Bình Tân - TP. Hồ Chí Minh - Việt Nam)

STT	Tên thuốc	Hoạt chất chính - Hàm lượng	Dạng bào chế	Tuổi thọ	Tiêu chuẩn	Quy cách đóng gói	Số đăng ký
1	Gynogel	Mỗi 200ml chứa: Đồng sulfat 4g; Acid boric 4g	Thuốc rửa phụ khoa	36 tháng	TCCS	Hộp 01 chai 200ml	GC-339-21

CỤC TRƯỞNG



Vũ Tuấn Cường

PHỤ LỤC IV. DANH MỤC 01 THUỐC CHUYỂN GIAO CÔNG NGHỆ TRONG NƯỚC
ĐƯỢC CẤP GIẤY ĐĂNG KÝ LƯU HÀNH TẠI VIỆT NAM HIỆU LỰC 05 NĂM - ĐỢT
168.1

Ban hành kèm theo Quyết định số: 88.../QĐ-QLD, ngày 24.02.2021.

1. Công ty đăng ký: Công ty cổ phần dược Hậu Giang (Đ/c: 288 Bis Nguyễn Văn Cừ, p. An Hoà, Q. Ninh Kiều, Cần Thơ - Việt Nam)
- 1.1 Nhà sản xuất: Công ty cổ phần dược Hậu Giang (Đ/c: 288 Bis Nguyễn Văn Cừ, p. An Hoà, Q. Ninh Kiều, Cần Thơ - Việt Nam)

STT	Tên thuốc	Hoạt chất chính - Hàm lượng	Dạng bào chế	Tuổi thọ	Tiêu chuẩn	Quy cách đóng gói	Số đăng ký
1	Counterpain	Menthol (l-menthol) 5,44%; Eugenol 1,36%; Methyl Salicylat 10,20%	Kem bôi da	36 tháng	TCCS	Hộp 1 chai x 100 ml	CN-1-21

CỤC TRƯỞNG



Vũ Tuấn Cường